

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1551/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 06 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Nghệ An đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 06 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030; Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 9 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 454/TTr-SKHHCN ngày 31 tháng 5 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Nghệ An, đến năm 2030 (có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra và sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Kế hoạch; Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT, PCT VX UBND tỉnh;
- CVP, PCVP. VX UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Hiệp hội các Doanh nghiệp tỉnh;
- CV: KGVX
- Lưu: VT - UB (Toàn).

[Handwritten signature]

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Đình Long



KẾ HOẠCH

Phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Nghệ An, đến năm 2030
(Kèm theo Quyết định số 4551/QĐ-UBND ngày 06/6/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Thực hiện Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030, UBND tỉnh Nghệ An ban hành Kế hoạch phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Nghệ An đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Kế hoạch), với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nội dung Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Nghệ An.

2. Yêu cầu:

a) Các nội dung Kế hoạch phải được triển khai đúng mục tiêu, sát với nội dung của Chương trình, phải thiết thực, đảm bảo tính khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc thù riêng của tỉnh Nghệ An.

b) Đảm bảo đồng bộ, phù hợp với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ.

c) Phân công rõ nhiệm vụ các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan trong việc chủ trì, phối hợp, thực hiện, đảm bảo tính hiệu quả, phát huy được vai trò của các cấp, các ngành trong quá trình thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Nghệ An;

b) Thúc đẩy, nâng cao hiệu quả bảo hộ và bảo vệ tài sản trí tuệ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh (sau đây gọi chung

là cơ sở) trên địa bàn tỉnh. Hướng tới hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh phù hợp với bối cảnh toàn cầu và hội nhập quốc tế.

c) Nâng cao giá trị thương hiệu, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ của tỉnh, thông qua việc hỗ trợ tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ, trong đó ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm chủ lực có tiềm năng xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025:

- Nâng cao nhận thức, năng lực khai thác, quản lý và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Hằng năm có 500 lượt cán bộ quản lý, doanh nghiệp, hộ dân có tài sản trí tuệ được tập huấn về sở hữu trí tuệ, 5-10 bài báo trên các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng.

- 100% các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học công nghệ, doanh nghiệp khoa học công nghệ được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và các quy định pháp luật liên quan đến Luật Sở hữu trí tuệ và hỗ trợ, hướng dẫn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và giải pháp hữu ích trên địa bàn tỉnh tăng trung bình 10-15% năm. Đến năm 2025 đạt 150 đơn đăng ký trong đó có trên 50 đối tượng được cấp quyền, được hỗ trợ và có ít nhất 3-5 tài sản trí tuệ là sáng chế, giải pháp hữu ích được thương mại hóa.

- Số lượng đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu trên địa bàn tỉnh tăng trung bình 8-10% năm; Đến năm 2025 đạt 2.000 đối tượng được cấp quyền với 50 nhãn hiệu cộng đồng, trong đó có 8 chỉ dẫn địa lý.

- Có từ 1-2 đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới từ 2022-2025.

- Có ít nhất 2 sản phẩm, dịch vụ đặc trưng, chủ lực có tiềm năng xuất khẩu của tỉnh được hỗ trợ xây dựng, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài;

- Tối thiểu 30% sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP), được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

b) Đến năm 2030:

- Số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và giải pháp hữu ích trên địa bàn tỉnh tăng trung bình 8-10% năm; Đến năm 2030 đạt 300 đơn đăng ký, trong đó có trên 80 đối tượng được cấp quyền, hộ trợ và có ít nhất 5 tài sản trí tuệ là sáng chế, giải pháp hữu ích được thương mại hóa.

- Số lượng đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu trên địa bàn tỉnh tăng trung bình 10% năm; Đến năm 2030 đạt 4.000 đối tượng được cấp quyền với 70 nhãn hiệu cộng đồng, trong đó có 12 chỉ dẫn địa lý.

- Có từ 1-2 đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới từ 2025-2030.
- Có ít nhất 5 sản phẩm, dịch vụ đặc trưng, chủ lực có tiềm năng xuất khẩu của tỉnh được hỗ trợ xây dựng, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài;
- Có ít nhất 60% sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (*Chương trình OCOP*), được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức, chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ và tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ.

a) Xây dựng và triển khai các chương trình tập huấn, đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu về sở hữu trí tuệ cho các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp có hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, các cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu, cung cấp dịch vụ thông tin sở hữu trí tuệ của tỉnh, hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các tổ chức khoa học và công nghệ nhằm tạo ra các tài sản trí tuệ được đăng ký bảo hộ. Nâng cấp Trạm khai thác thông tin dịch vụ về sở hữu trí tuệ IP Platform tại trung tâm Thông tin KH&CN tỉnh.

c) Hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo các hình thức tập huấn, tạo lập, khai thác và phát triển các sản phẩm khởi nghiệp để tạo thương hiệu cho sản phẩm khởi nghiệp.

d) Hỗ trợ hình thành và phát triển các tổ chức dịch vụ đại diện đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, các tổ chức trung gian tư vấn chuyển giao, thương mại hóa tài sản trí tuệ.

2. Phát triển các hoạt động về sở hữu trí tuệ

a) Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới; đăng ký quyền tác giả và các quyền liên quan đến quyền tác giả.

b) Khuyến khích, hỗ trợ đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm, dịch vụ đặc trưng, chủ lực của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP.

c) Hỗ trợ các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức KH&CN và doanh nghiệp tạo ra kết quả nghiên cứu được bảo hộ quyền SHTT; tăng cường sử dụng các công cụ SHTT để phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế cạnh tranh.

d) Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP của tỉnh

gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ.

d) Hỗ trợ các sản phẩm truyền thống và đặc thù của các địa phương được đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển Chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận hoặc nhãn hiệu tập thể thông qua các nhiệm vụ KH-CN cho các sản phẩm: Cam Vinh, Gừng Kỳ Sơn, Trám Thanh Chương, Trà Hoa vàng, gạo Khẩu Cầm Xăng, Lạc Nghệ An, tương Nam Đàn, Nhút Thanh Chương, nhung hươu Quỳnh Lưu, Quế Quý, mực nháy Cửa Lò, gạo Japonika, ruốc rươi Hưng Châu, Nước mắm Quỳnh Di, Dê Tân Kỳ, Gà Thanh Chương, Chè Nghệ An, Mực khô Quỳnh Lưu, Tôm nõn Diễn Châu, Cá thu nướng Cửa Lò ...

3. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ

a) Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế về sở hữu trí tuệ, khai thác tối đa sự hỗ trợ mọi mặt của cơ quan sở hữu trí tuệ và các tổ chức dịch vụ trong nước nhằm nâng cao năng lực quản lý sở hữu trí tuệ bắt kịp với xu hướng tiến bộ và trình độ trong nước.

b) Đẩy mạnh cơ chế phối hợp, kết nối cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ liên thông giữa các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài tỉnh. Xây dựng các quy chế phối hợp liên ngành trong việc khai thác, phát triển và bảo vệ TSTT được bảo hộ. .

c) Quản trị tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ. Hỗ trợ tư vấn định giá, kiểm toán tài sản trí tuệ, tập trung vào các đối tượng là sáng chế, tên thương mại và nhãn hiệu.

d) Rà soát, phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản Chỉ dẫn địa lý, Nhãn hiệu chứng nhận một cách hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả. Giao sở nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý CDDL cam Vinh, giao các huyện quản lý CDDL, NHCN trong vùng lãnh thổ tương ứng với sản phẩm thuộc một huyện.

e) Tăng cường nguồn nhân lực cho hoạt động Sở hữu trí tuệ; Tích cực, chủ động hợp tác và hội nhập quốc tế về sở hữu trí tuệ.

f) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ mới trong hoạt động khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

4. Thúc đẩy, tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

a) Kiện toàn lực lượng cán bộ, công chức làm công tác quản lý về sở hữu trí tuệ tại các sở, ban, ngành có liên quan và các địa phương trên địa bàn tỉnh.

b) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ; tăng cường trang bị thiết bị, máy móc chuyên dùng cho đội ngũ cán bộ công chức làm công tác thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

c) Tăng cường công tác thanh, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là hành vi xâm phạm trong môi trường kỹ

thuật số. Đẩy mạnh cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; cơ chế phối hợp giữa cơ quan thực thi và chủ sở hữu quyền.

d) Tổ chức trung bày, giới thiệu, triển lãm sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cùng với các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

đ) Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân là chủ sở hữu quyền chủ động tự bảo vệ quyền của mình; tăng cường tuyên truyền cho các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân triệt để tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

5. Phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ

a) Hình thành, phát triển, nâng cao năng lực của tổ chức trung gian tham gia hoạt động kiểm soát, quản lý các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể.

b) Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chủ thể quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và giống cây trồng; các tổ chức đại diện, quản lý và chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan.

c) Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hiệp hội trong hộ trợ và triển khai hoạt động sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ quyền SHTT.

d) Hình thành, phát triển dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ, dịch vụ tư vấn về quản trị, phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học.

6. Hình thành, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và xây dựng ý thức, trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ. Tổ chức các hoạt động truyền thông hưởng ứng ngày Sở hữu Trí tuệ Thế giới 26/4. Khuyến khích thực hiện theo phương thức truyền thông trong môi trường số.

b) Biên soạn, phát hành tài liệu về sở hữu trí tuệ.

c) Xây dựng và vận hành phần mềm, chương trình ứng dụng trên thiết bị điện tử, thiết bị di động để cung cấp thông tin, hỗ trợ, tư vấn về sở hữu trí tuệ.

d) Vinh danh, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ.

IV. HÌNH THỨC THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ thường xuyên:

a) Tổ chức tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm và các nhiệm vụ có liên quan trong phạm vi Chương trình.

b) Biên soạn, phát hành tài liệu về sở hữu trí tuệ.

c) Vinh danh, khen thưởng, sơ kết, tổng kết Chương trình.

2. Nhiệm vụ hỗ trợ:

a) Hỗ trợ đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng mới,... trong đó ưu tiên các đối tượng là kết quả nghiên cứu khoa học;

b) Hỗ trợ sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP, nông thôn mới, sản phẩm tạo ra từ sáng chế, giải pháp hữu ích,...

c) Hỗ trợ theo chính sách: Hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh ưu tiên các dự án tạo lập, quản lý, khai thác, phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của địa phương; các dự án khai thác, phát triển tài sản trí tuệ cho sản phẩm hình thành từ các sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm đạt giải Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, cấp vùng, cấp Quốc gia; các đề tài nghiên cứu nhằm tạo ra tài sản trí tuệ, thay đổi cơ bản nhận thức và hiệu quả quản lý...

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện kế hoạch gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước, đóng góp của doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác; Theo phân cấp ngân sách nhà nước quy định tại luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Hàng năm căn cứ vào nội dung kế hoạch được phê duyệt và các quy định hiện hành về pháp luật về ngân sách nhà nước, Sở Khoa học và công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, lập dự toán kinh phí sử dụng ngân sách nhà nước, gửi Sở Tài chính để xem xét, cân đối trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai Chương trình. Đẩy mạnh công tác quản lý, thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

b) Tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình.

c) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức, triển khai các hoạt động chung, nhiệm vụ thường xuyên thuộc Chương trình; Tổ chức quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thuộc nội dung Chương trình.

d) Phối hợp quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ thuộc Chương trình thực hiện trên địa bàn tỉnh (nếu có).

d) Lập dự toán kinh phí hàng năm, gửi Sở Tài chính xem xét, cân đối, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

e) Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Chương trình.

f) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành liên quan, UBND cấp huyện tham mưu rà soát, phân cấp quản lý tài sản trí tuệ Chi dẫn địa lý, Nhân hiệu chứng nhận.

g) Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Chương trình cho Ủy ban nhân dân tỉnh, theo đúng thời gian quy định; tổ chức sơ kết, tổng kết chương trình.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm của ngành để chủ trì thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ thuộc nội dung Chương trình.

b) Đẩy mạnh công tác quản lý, thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan chuyên môn xác định các loại sản phẩm nông, lâm, thủy sản, sản phẩm đặc trưng, chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh để hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ.

d) Tổ chức phổ biến, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, chế biến, thu hoạch và bảo quản để nâng cao chất lượng các sản phẩm nông, lâm, thủy sản đã được xây dựng, đăng ký bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu có sử dụng tên địa danh hoặc chỉ dẫn địa lý.

đ) Hàng năm, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ được phân công, đề xuất các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đặc trưng, chủ lực có tiềm năng xuất khẩu của tỉnh gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp bổ sung danh mục nhiệm vụ của Chương trình, báo cáo UBND tỉnh.

3. Sở Văn hóa và Thể thao

a) Xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm của ngành để chủ trì thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ thuộc nội dung Chương trình.

b) Đẩy mạnh công tác quản lý, thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực quyền tác giả và quyền liên quan đến tác giả.

c) Hàng năm, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ được phân công, đề xuất các nhiệm vụ hỗ trợ xây dựng, đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các trí thức truyền thống, văn hóa dân gian.

4. Sở Công thương

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện các nội dung Chương trình trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ.

b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các hội nghị, hoạt động giao thương, kết nối cung - cầu, tuyên truyền quảng bá, khai thác, phát triển giá trị các tài sản trí tuệ đảm bảo tiêu thụ sản phẩm bền vững và tiến tới đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu.

c) Hỗ trợ các cơ sở tham gia các hội chợ, triển lãm, hội nghị giao thương. Phối hợp tổ chức trưng bày, triển lãm phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

d) Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Chương trình, đề xuất các nội dung, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương hiệu và phát triển thương hiệu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Lồng ghép nội dung về sở hữu trí tuệ vào chương trình đào tạo, chương trình ngoại khóa trong các trường phổ thông.

b) Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về sở hữu trí tuệ và các thành tựu về sở hữu trí tuệ.

c) Hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch, đề xuất các nội dung, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ thuộc các lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan chỉ đạo các cơ quan truyền thông cấp tỉnh, hệ thống truyền thanh đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tập huấn, đào tạo về sở hữu trí tuệ, nội dung và kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Tài chính

Trên cơ sở cân đối ngân sách, thẩm định và tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch theo quy định, trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương.

8. Các sở, ban, ngành

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai các nội dung của Chương trình.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Vinh

a) Tổ chức triển khai thực hiện nội dung thuộc Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành; Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện, cân đối, bố trí kinh phí, lồng ghép với các Chương trình mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực để triển khai Kế hoạch tại địa phương.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ, thực hiện các biện pháp đẩy mạnh hoạt động sở hữu trí tuệ trên địa bàn.

c) Đẩy mạnh hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm, dịch vụ đặc trưng, chủ lực của địa phương.

d) Định kỳ hàng năm rà soát bổ sung danh mục các sản phẩm, dịch vụ đặc thù, chủ lực của địa phương cần đăng ký hỗ trợ bảo hộ và nhu cầu tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tập huấn, đào tạo về sở hữu trí tuệ gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, dự toán trình cấp có thẩm quyền.

10. Đài Phát thanh và Truyền tỉnh Nghệ An, Báo Nghệ An

a) Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Kế hoạch đến nhân dân trong tỉnh. Thường xuyên cập nhật, kịp thời đưa tin các hoạt động liên quan đến Kế hoạch.

b) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý, thực thi quyền về sở hữu trí tuệ thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về sở hữu trí tuệ và giới thiệu, quảng bá các sản phẩm đã được bảo hộ sở hữu trí tuệ trên địa bàn.

11. Đề nghị các viện, trường, tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh hợp tác xã; Hội, Hiệp hội của tỉnh

a) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tập huấn, đào tạo kiến thức về sở hữu trí tuệ.

b) Chủ trì, phối hợp đề xuất thực hiện các đề tài, dự án thuộc nội dung Kế hoạch theo kế hoạch hàng năm.

c) Hướng dẫn, giới thiệu các doanh nghiệp, thành viên, hội viên tham gia thực hiện các nội dung Kế hoạch. ✓

DANH MỤC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

(Ban hành kèm theo Kế hoạch phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Nghệ An đến năm 2030)

| STT | Tên nhiệm vụ | Hình thức nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|-----------|---|-----------------------|--------------------------|---|---------------------|--|
| I. | Nâng cao nhận thức, chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ và tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ | | | | | |
| 1. | Biên soạn, phát hành tài liệu về sở hữu trí tuệ; tổ chức tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm | Nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 1.1. | Lĩnh vực sở hữu công nghiệp | | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, Viện, trường, doanh nghiệp,... | Hàng năm | Kinh phí sự nghiệp KH&CN |
| 1.2. | Lĩnh vực giống cây trồng mới | | Sở Nông nghiệp và PTNT | Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, Viện, trường, doanh nghiệp,... | Hàng năm | Kinh phí sự nghiệp ngành nông nghiệp và PTNT |
| 1.3. | Lĩnh vực quyền tác giả và quyền liên quan | | Sở Văn hóa và Thể thao | Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, Viện, trường, doanh nghiệp,... | Hàng năm | Kinh phí sự nghiệp ngành Văn hóa và Thể thao |
| 2. | Xây dựng cơ sở dữ liệu, cung cấp dịch vụ thông tin sở hữu trí tuệ của tỉnh, hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin. | Nhiệm vụ thường xuyên | | | | |

| | | | | | | |
|---|---|---------------------------------|--------------------------|---|---------------------|--|
| 2.1. | Lĩnh vực sở hữu công nghiệp | | Sở Khoa học và Công nghệ | Cục Sở hữu trí tuệ; cơ quan đơn vị có liên quan | Hàng năm | Kinh phí sự nghiệp KH&CN |
| 2.2. | Lĩnh vực giống cây trồng mới | | Sở Nông nghiệp và PTNT | Cục Trồng trọt; cơ quan đơn vị có liên quan | Hàng năm | Kinh phí sự nghiệp ngành nông nghiệp và PTNT |
| 2.3. | Lĩnh vực quyền tác giả và quyền liên quan | | Sở Văn hóa và Thể thao | Cục Bản quyền tác giả; cơ quan đơn vị có liên quan | Hàng năm | Kinh phí sự nghiệp ngành Văn hóa và Thể thao |
| 3. | Nâng cấp Trạm khai thác thông tin dịch vụ về sở hữu trí tuệ IPPlatform tại trung tâm Thông tin KHCN và Tin học. | Nhiệm vụ thường xuyên | Sở Khoa học và Công nghệ | Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ; cơ quan đơn vị có liên quan | Bắt đầu từ năm 2023 | Kinh phí sự nghiệp KH&CN |
| II. Thúc đẩy đăng ký bảo hộ, nâng cao hiệu quả khai thác và phát triển tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước | | | | | | |
| 1. | Hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; điều kiện khác | Nhiệm vụ hỗ trợ theo chính sách | | | | |
| | Quyền sở hữu công nghiệp | | Sở Khoa học và Công nghệ | Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân... | Hàng năm | Chính sách do Sở KH&CN tham mưu |
| | Quyền giống cây trồng mới; sản phẩm được chứng nhận OCOP | | Sở Nông nghiệp và PTNT | Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân... | Hàng năm | Chính sách do Sở Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu |
| | Quyền tác giả và quyền liên quan | | Sở Văn hóa và Thể thao | Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân... | Hàng năm | Chính sách do Sở Văn hóa và Thể thao tham mưu |
| | Sản phẩm được hỗ trợ theo chính sách khuyến công | | Sở Công thương | Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân... | Hàng năm | Chính sách do Sở Công thương tham mưu |
| 2. | Đăng ký xác lập, khai thác phát triển các tài sản trí tuệ đối với các nhãn hiệu cộng đồng; Chỉ | Nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, Viện, | Bắt đầu từ năm 2022 | Kinh phí sự nghiệp KH&CN |

| | | | | | | |
|----|---|--------------------------------|--------------------------|---|---------------------|--------------------------|
| | dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề của địa phương: Lạc Nghệ An, Chanh Nghệ An, Hươu Nghệ An, Vừng Nghệ An,.... | | | trường, doanh nghiệp,... | | |
| 3. | Xây dựng mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, đăng ký bảo hộ ra nước ngoài, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ | Nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, Viện, trường, doanh nghiệp,... | Bắt đầu từ năm 2022 | Kinh phí sự nghiệp KH&CN |
| 4. | Hỗ trợ quản lý, khai thác, phát triển hiệu quả chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và truy xuất nguồn gốc. | Nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, Viện, trường, doanh nghiệp,... | 2022 - 2030 | Kinh phí sự nghiệp KH&CN |
| 5. | Hỗ trợ khai thác, phát triển tài sản trí tuệ cho sản phẩm hình thành từ các sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm đạt giải Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh, cấp vùng, cấp Quốc gia. | Nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, Viện, trường, doanh nghiệp,... | 2022 - 2030 | Kinh phí sự nghiệp KH&CN |
| 6. | Hỗ trợ giới thiệu, | Nhiệm vụ | Sở Công | Sở, ban, | 2022 - | Kinh phí |

| | | | | | | |
|--|---|---|---|--|-------------|---|
| | quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại cho các tài sản trí tuệ như hội chợ, triển lãm, phiên chợ giới thiệu các sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề. | thường xuyên, nhiệm vụ hỗ trợ theo chính sách | thương | ngành có liên quan, UBND cấp huyện, Viện, trường, doanh nghiệp,... | 2030 | cấp cho ngành Công thương; Chính sách do Sở Công thương tham mưu; nguồn kinh phí khác... |
| 7. | Hỗ trợ quản trị tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; hỗ trợ tư vấn định giá, kiểm toán tài sản trí tuệ. | Nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nhiệm vụ thương xuyên | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, Viện, trường, doanh nghiệp,... | 2023 - 2030 | Kinh phí sự nghiệp KH&CN |
| IV. Thúc đẩy, tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ | | | | | | |
| 1. | Đào tạo cho cán bộ công chức quản lý quyền sở hữu trí tuệ | Nhiệm vụ thường xuyên | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Văn hóa và Thể thao | Các cơ quan quản lý, nghiệp vụ, sự nghiệp về sở hữu trí tuệ tại trung ương; tổ chức cá nhân có liên quan | 2022 - 2030 | Kinh phí sự nghiệp KH&CN; Kinh phí cấp cho ngành nông nghiệp và PTNT; ngành Văn hóa và Thể thao |
| 2. | Đào tạo cho cán bộ thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Trang bị thiết bị, máy móc chuyên dùng cho đội ngũ cán bộ công chức làm công tác thực thi quyền sở hữu trí tuệ. | Nhiệm vụ thường xuyên | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Văn hóa và Thể thao; UBND cấp huyện; Công an tỉnh; Cục Quản lý thị trường; Cục Hải quan. | Các cơ quan quản lý, nghiệp vụ, sự nghiệp về sở hữu trí tuệ tại trung ương; tổ chức cá nhân có liên quan | 2022 - 2030 | Kinh phí sự nghiệp KH&CN; Kinh phí cấp cho các sở, ngành, địa phương tương ứng |
| 3. | Tổ chức trưng bày, giới thiệu, triển lãm sản | Nhiệm vụ thường xuyên | Sở Khoa học và Công | Sở, ban, ngành có liên quan, | 2023 - 2030 | Kinh phí sự nghiệp KH&CN; |

| | | | | | | |
|------------|--|---|--|---|-------------|--|
| | phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cùng với các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. | | nghệ, Sở Công thương, Cục Quản lý thị trường | UBND cấp huyện, Viện, trường, doanh nghiệp,... | | nguồn kinh phí khác... |
| V. | Phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ | | | | | |
| 1. | Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chủ thể quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể | Nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nhiệm vụ thường xuyên | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, Viện, trường, doanh nghiệp,... | 2023 - 2030 | Kinh phí sự nghiệp KH&CN; nguồn kinh phí khác... |
| 2. | Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của chủ thể quản lý và sử dụng giống cây trồng mới | Nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nhiệm vụ thường xuyên | Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Khoa học và Công nghệ | Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, Viện, trường, doanh nghiệp,... | 2023 - 2030 | Kinh phí sự nghiệp KH&CN; Kinh phí ngành Nông nghiệp và PTNT; nguồn kinh phí khác... |
| 3. | Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các tổ chức đại diện, quản lý và chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan. | Nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nhiệm vụ thường xuyên | Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Khoa học và Công nghệ | Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, Viện, trường, doanh nghiệp,... | 2023 - 2030 | Kinh phí sự nghiệp KH&CN; Kinh phí ngành Văn hóa và Thể thao; nguồn kinh phí khác... |
| VI. | Hình thành, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội | | | | | |
| 1. | Tăng cường truyền thông về sở hữu trí tuệ | Nhiệm vụ thường xuyên | | | | |
| 1.1. | Lĩnh vực sở hữu công nghiệp | | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Thông tin và truyền thông, Đài PTTH, Báo Nghệ An, Công thông tin điện tử tỉnh, tổ chức cá nhân có liên quan... | Hàng năm | Kinh phí sự nghiệp KH&CN |
| 1.2. | Lĩnh vực giống cây trồng mới | | Sở Nông nghiệp và | Sở Thông tin và truyền | Hàng năm | Kinh phí cấp cho |

| | | | | | | |
|------|---|---|------------------------------|--|-------------|--|
| | | | PTNT | thông, Đài PTH, Báo Nghệ An, Công thông tin điện tử tỉnh, tổ chức cá nhân có liên quan... | | ngành nông nghiệp và PTNT |
| 1.3. | Lĩnh vực quyền tác giả và quyền liên quan | | Sở Văn hóa và Thể thao | Sở Thông tin và truyền thông, Đài PTH, Báo Nghệ An, Công thông tin điện tử tỉnh, tổ chức cá nhân có liên quan... | Hàng năm | Kinh phí cấp cho ngành Văn hóa và Thể thao |
| 2. | Triển khai thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về sở hữu trí tuệ trong các cơ sở giáo dục | Nhiệm vụ thường xuyên; nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Văn hóa và Thể thao | 2023 - 2030 | Kinh phí cấp cho ngành Giáo dục và Đào tạo; kinh phí sự nghiệp KH&CN; nguồn kinh phí khác... |
| 3. | Triển khai thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về sở hữu trí tuệ trong các trường đại học, cao đẳng | Nhiệm vụ thường xuyên; nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Các trường đại học, cao đẳng | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Văn hóa và Thể thao | 2023 - 2030 | Kinh phí cấp cho các trường; kinh phí sự nghiệp KH&CN; nguồn kinh phí khác... |
| 4. | Sơ kết, tổng kết, khen thưởng | Nhiệm vụ thường xuyên | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, Viện, trường, doanh nghiệp,... | 2025, 2030 | Kinh phí sự nghiệp KH&CN, nguồn kinh phí khác... |
| 5. | Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế về sở hữu trí tuệ | Nhiệm vụ thường xuyên | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện, Viện, trường, doanh nghiệp,... | 2023 - 2030 | Kinh phí sự nghiệp KH&CN, nguồn kinh phí khác... |